

## VỀ VIỆC HOÀN THIÊN THỂ CHẾ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TƯ THỰC

Phạm Đỗ Nhật Tiến<sup>1</sup>

**Tóm tắt.** Đối chiếu với các kinh nghiệm quốc tế có liên quan, có thể thấy, pháp luật giáo dục đại học tư thực nước ta đã được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của giáo dục đại học tư thực. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, một hiện trạng đáng lo ngại: hệ thống giáo dục đại học tư thực đang đứng trước nguy cơ đổ vỡ. Trên cơ sở phân tích các bất cập trong thực hiện quy hoạch và xây dựng thể chế, bài viết này đề xuất một số giải pháp khắc phục, bao gồm việc làm rõ định hướng phát triển của giáo dục đại học tư thực và việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trong đó phân định cơ sở giáo dục đại học tư thực không vì lợi nhuận với cơ sở giáo dục đại học tư thực vì lợi nhuận.

**Từ khóa:** Cơ sở giáo dục đại học tư thực, Luật Giáo dục đại học, xã hội hóa giáo dục, quan hệ đối tác công-tư.

### 1. Mở đầu

Cách đây 26 năm, với chủ trương khuyến khích mở các trường, lớp dân lập được nêu thành quan điểm chỉ đạo trong NQTW4 (khoá VII), giáo dục tư thực đã đứng trước cơ hội đầu tiên để hình thành và phát triển. Những lợi thế của cơ hội này đã được khai thác từ đó đến nay và đường như đã cạn.

Tuy nhiên, với sự ra đời của NQ 05/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao; với việc khẳng định quyền sở hữu tài sản của trường tư thực được quy định trong Luật Giáo dục 2005; trước yêu cầu tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô của giáo dục đại học giai đoạn 2006-2020 theo tinh thần NQ 14/2005 của Chính phủ; trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, một cơ hội mới đã được mở ra cho sự phát triển của giáo dục đại học tư thực. Mặc dù có biểu hiện trì trệ về phát triển trong mấy năm gần đây, nhưng một động thái mới đã hình thành trong đó các nhà đầu tư yên tâm hơn, các dự án lớn về giáo dục đại học tư thực ra đời, và một thể hệ mới các trường đại học tư thực xuất hiện với sự tham gia của các doanh nghiệp có thực lực tài chính (như FPT) và sự liên kết của các trường có uy tín nước ngoài.

Dù vậy, trong so sánh quốc tế cũng như khu vực, sự phát triển của giáo dục đại học tư thực nước ta vẫn mang tính cầm chừng, quy mô nhỏ. Đáng quan ngại là sự thiếu nhất quán trong quy hoạch phát triển giáo dục đại học tư thực, cùng một số bất cập về thể chế đang đe dọa nghiêm

---

Ngày nhận bài: 10/01/2018. Ngày nhận đăng: 12/02/2018.

<sup>1</sup>Bộ Giáo dục và Đào tạo; e-mail: [phamdn tien26@gmail.com](mailto:phamdn tien26@gmail.com)

trọng tính bền vững trong phát triển của các cơ sở giáo dục đại học tư thục. Điểm nổi bật trong bức tranh đại học mấy năm gần đây không phải là sự xâm nhập thị trường của các nhà đầu tư nước ngoài mà là sự ra đời có tính bùng nổ của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Theo nghiên cứu của Nguyễn Minh Hiền và Nguyễn Hoàng Lan (2013) thì trong giai đoạn từ năm học 2000-2001 đến năm học 2011-2012, trung bình mỗi năm có khoảng 20 trường đại học và cao đẳng được thành lập. “Một điều đáng lưu ý về sự gia tăng số lượng trường trong giai đoạn vừa qua là tốc độ gia tăng của các trường đại học lớn hơn các trường cao đẳng, của các trường công lập lớn hơn các trường ngoài công lập. Cụ thể, tính trung bình, cứ 1 trường cao đẳng được thành lập thì có 1,2 trường đại học ra đời, còn 1 trường ngoài công lập xuất hiện thì có thêm 3 trường công lập mới. Điều này chưa phù hợp với chủ trương được đưa ra trong Chiến lược phát triển giáo dục và trong NQ 14 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020”.

Sự thiếu nhất quán đó từ chủ trương đến thể chế và từ thể chế đến tổ chức thực hiện đang có nguy cơ phá vỡ hệ thống các cơ sở giáo dục đại học tư thục vốn đã được dày công xây dựng suốt hơn 30 năm đổi mới vừa qua. Bài viết này muốn làm rõ một số bất cập trong thể chế giáo dục đại học tư thục nước ta trên cơ sở đối chiếu với các kinh nghiệm quốc tế có liên quan, để từ đó đề xuất một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Luật Giáo dục đại học.

## 2. Một số kinh nghiệm quốc tế liên quan đến Pháp luật Giáo dục đại học tư thục

Vào những năm 1990, yêu cầu đại chúng hóa giáo dục đại học đã dẫn đến một bức tranh mới trên thế giới về các hệ thống giáo dục: nếu trước đây chỉ có một số ít hệ thống giáo dục có cơ sở giáo dục đại học tư thục thì ngày nay chỉ có vài ba hệ thống giáo dục không có cơ sở giáo dục đại học tư thục. Điều đó kéo theo sự hình thành và phát triển của một thị trường giáo dục đại học trong phạm vi từng nước cũng như toàn cầu. Các chính phủ đứng trước yêu cầu làm rõ vai trò của mình trong quản lý thị trường này. Theo kinh nghiệm quốc tế, đó là vai trò thay thế, tạo lập, bổ sung và điều tiết thị trường.

Vai trò thay thế thị trường được thực hiện ở những nơi học, ngành học mà thị trường không đến, chẳng hạn: giáo dục địa bàn khó khăn, giáo dục an ninh quốc phòng, các ngành khoa học xã hội và nhân văn; ở những nơi học đó, ngành học đó giáo dục đại học phải được Chính phủ cung ứng miễn phí như một lợi ích công. Vai trò tạo lập thị trường được thực hiện ở những lĩnh vực không cần sự đầu tư tài chính của Chính phủ, chẳng hạn, lĩnh vực du học tại chỗ. Vai trò bổ sung thị trường được thực hiện để khắc phục sự bất công của thị trường, tạo điều kiện để sinh viên nghèo được yên tâm tiếp tục trên con đường học vấn. Và cuối cùng vai trò điều tiết thị trường là việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế, chuẩn mực để giảm thiểu những mặt trái của thị trường, bảo vệ quyền lợi của người học.

Vì thế, Pháp luật Giáo dục đại học tư thục được quan tâm xây dựng. Một số kinh nghiệm quốc tế về Pháp luật Giáo dục đại học đã được phân tích kỹ bởi Bjarnason và cộng sự (2009) tại Hội nghị giáo dục đại học thế giới 2009. Dưới đây là một số nội dung đáng quan tâm:

*Vì sao các chính phủ phải xây dựng các quy định về giáo dục đại học tư thục?*

Thường có bốn lý do: 1) Để bảo vệ người học, giảm thiểu mặt trái của thị trường lúc nào cũng có thể tác động lên giáo dục đại học tư thục; 2) Để có cơ sở thu thập, cung cấp thông tin minh bạch, tin cậy về giáo dục đại học tư thục đến công chúng; 3) Để bảo đảm sự phối hợp giữa giáo dục đại học tư thục và công lập trong việc đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển giáo dục đại học; 4) Để có sự phân định về chính sách giữa các cơ sở không vì lợi nhuận với các cơ sở vì lợi nhuận.

*Phạm vi của pháp luật giáo dục đại học tư thục đến đâu?*

Về lý thuyết nó khá rộng và bao gồm 7 thành tố sau: 1) Luật về giáo dục đại học tư thục với những quy định về tổ chức, hoạt động, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ sở giáo dục đại học tư thục; 2) Văn bản quy định vai trò và sự đóng góp của khu vực tư vào các mục tiêu giáo dục đại học quốc gia; 3) Quy định cụ thể và rõ ràng về quy trình thành lập cơ sở giáo dục đại học tư thục; 4) Quy định về việc bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học tư thục; 5) Chính sách nhất quán và rõ ràng về hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học tư thục; 6) Chính sách về sự tham dự của các cơ sở giáo dục đại học tư thục trong các đề án tín dụng sinh viên, nghiên cứu khoa học hoặc các dịch vụ đào tạo theo đơn đặt hàng của chính phủ; 7) Quy định về trách nhiệm của các nhà cung ứng giáo dục đại học tư thục trong việc báo cáo, giải trình và cung cấp thông tin về các kết quả hoạt động của mình. Về lý thuyết là vậy, nhưng trên thực tế nhiều chính phủ không chú trọng xây dựng một khung pháp lý được nghiên cứu thấu đáo và đầy đủ mà chỉ ban hành những quy định mang tính tình thế.

*Cơ chế giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tư thục như thế nào?*

Thông thường cơ chế này gồm ba thành tố: 1) Giám sát chất lượng cung ứng dịch vụ giáo dục thông qua cơ quan bảo đảm chất lượng quốc gia; 2) Đánh giá kết quả hoạt động và tài chính thông qua các báo cáo hàng năm và kiểm toán; 3) Thu thập và công bố các số liệu thống kê cơ bản như quy mô nhà trường, số lượng giảng viên, trình độ đào tạo, học vị, học hàm của các giảng viên...

*Vai trò của chính phủ nên như thế nào trong giám sát hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học tư thục?*

Có nhiều sự khác biệt từ nước này sang nước khác. Có thể cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học trực tiếp làm, có thể giao cho một cơ quan trung gian hoặc một tổ chức chuyên nghiệp. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, hiệu quả giám sát phụ thuộc trước hết và chủ yếu vào trình độ và năng lực của những người giám sát.

*Việc khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học tư thục nên như thế nào?*

Việc này phụ thuộc vào chủ trương của chính phủ từng nước là khuyến khích hay không khuyến khích sự phát triển của giáo dục đại học tư thục. Nếu không khuyến khích thì khung pháp lý sẽ dựng lên những rào cản. Nếu khuyến khích thì khung pháp lý sẽ đưa ra một số ưu đãi, như cấp đất, hỗ trợ tài chính hoặc ưu đãi tín dụng trong giai đoạn xây dựng trường, miễn thuế trong một số năm đầu hoạt động. Các ưu đãi này dành ưu tiên cho các cơ sở không vì lợi nhuận. Có một nguyên tắc chung trong khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học tư thục là đối xử bình đẳng về vị thế và quyền lợi của giảng viên và sinh viên giữa cơ sở giáo dục đại học tư thục với công lập.

*Các rào cản đối với các cơ sở giáo dục đại học tư thục là gì?*

Có thể là các rào cản pháp lý nếu sự không ưa thích giáo dục đại học tư thục tiềm ẩn trong tư duy của các nhà hoạch định chính sách. Tuy nhiên, thông thường là các rào cản thuộc về các quy định trong tổ chức thực hiện, các quy định này hoặc quá cứng nhắc, hoặc không rõ ràng, hoặc không phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội cụ thể của giáo dục đại học tư thục.

*Việc tham dự của khu vực tư trong hoạch định chính sách giáo dục đại học nên như thế nào?*

Tốt nhất là nên có một hiệp hội của các cơ sở giáo dục đại học tư thục với những thành viên có năng lực để có thể là đối tác tin cậy của chính phủ trong các thảo luận về chính sách. Tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng đạt được bởi lẽ các cơ sở giáo dục đại học tư thục thường chia rẽ trong nhận định, còn chính phủ lại không coi trọng tiếng nói của hiệp hội.

*Nên xác định vị thế của pháp luật giáo dục đại học tư thục như thế nào?*

Giáo dục đại học tư thục đang thay đổi nhanh chóng. Trước hết tốc độ tăng trưởng của nó lớn hơn khu vực công lập xét trên phạm vi toàn cầu. Tiếp nữa đây là khu vực hết sức đa dạng và phức tạp với những liên kết công lập-tư thục, trong nước-ngoài nước, khiến sự phân chia công lập và tư thục trở nên kém rạch ròi. Vì thế, các chính phủ đều đứng trước yêu cầu coi trọng hơn pháp luật giáo dục đại học tư thục với những quy định mềm dẻo hơn để quản lý hiệu quả khu vực đang ngày càng trở nên không đồng nhất này.

### **3. Những bất cập trong Pháp luật Giáo dục đại học tư thục nước ta**

Sự phát triển của giáo dục đại học tư thục nước ta nằm trong chủ trương chung về xã hội hóa giáo dục. Hệ thống pháp lý đối với vấn đề này được chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện không ngừng trong Luật Giáo dục, cũng như trong các nghị quyết, nghị định của Chính phủ. Luật Giáo dục 2005 đã có hẳn một mục riêng về chính sách đối với trường dân lập, trường tư thục. Để đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, Chính phủ đã lần lượt ban hành NQ 90 ngày 21/8/1997, NQ 05 ngày 18/4/2005, NĐ 73 ngày 19/8/1999, NĐ 53 ngày 25/5/2006, NĐ 69 ngày 30/5/2008, và đặc biệt là NQ 40 ngày 09/8/2012 theo hướng tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc xã hội hóa. Có thể nói, nếu đối chiếu với những kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng pháp luật giáo dục đại học tư thục thì Việt Nam có chủ trương xuyên suốt về việc khuyến khích phát triển giáo dục đại học tư thục, đã và đang từng bước hoàn thiện khung pháp lý để tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của khu vực này.

Tuy nhiên, thực tế hiện trạng về nguy cơ đổ vỡ của giáo dục đại học tư thục buộc có một cái nhìn trách nhiệm hơn về khung pháp lý. Những bất cập sau đây cần được nhận diện và phân tích thấu đáo để khắc phục:

*- Sự ách tắc trong thực thi chủ trương, chính sách.*

Chủ trương phát triển giáo dục đại học tư thục đã được cụ thể hóa trong NQ 14/2005/NQ-CP là đạt chỉ tiêu có khoảng 40% tổng số sinh viên theo học các cơ sở giáo dục đại học tư thục vào năm 2020. Chỉ tiêu này được nhắc lại trong QĐ 121/2007/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020. Để thực hiện chỉ tiêu trên, NQ 14 quy định giải pháp là đổi mới công tác quy hoạch phát triển mạng lưới, bảo đảm đúng các mục tiêu phát triển giáo dục đại học, chuyển cơ sở giáo dục đại học bán công và một số cơ sở giáo dục đại học công lập sang loại hình tư thục. Tuy nhiên thực tế quy hoạch mạng lưới 10 năm qua đã diễn ra theo chiều ngược lại, với sự bùng nổ của các cơ sở giáo dục đại học công lập. Việc quy hoạch một đằng thực hiện một nẻo là hiện tượng khá phổ biến ở nước ta. Như đã được phân tích trong Báo cáo Việt Nam 2035 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư & Ngân hàng Thế giới, 2016), điều này có nguyên nhân gốc rễ từ tình trạng quyền lực trong bộ máy nhà nước bị phân mảnh bởi các cơ quan nhà nước khác nhau ở mỗi cấp chính quyền cũng như giữa chính quyền Trung ương và chính quyền các tỉnh.

*- Sự thiếu nhất quán trong định hướng phát triển.*

Phát triển giáo dục theo định hướng xã hội hóa đã được nêu thành quan điểm chỉ đạo xuyên suốt các nghị quyết trung ương về giáo dục từ Hội nghị TW2 (Khóa VIII) đến Hội nghị TW8 (Khóa XI). Đối với giáo dục đại học tư thục, định hướng này được cụ thể hóa thành chỉ tiêu cần đạt đến năm 2020 trong NQ14 của Chính phủ như đã nói ở trên. Luật Giáo dục đại học 2012 cũng nêu việc “ưu tiên về đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo cán bộ để khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;

ưu tiên cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học tư thục có vốn đầu tư lớn” là một trong tám chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học. Tuy thế, trong Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 cũng như trong QĐ 37/2013/QĐ-TTg về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường cao đẳng, đại học giai đoạn 2006-2020, tuyệt nhiên không còn bất kỳ chỉ tiêu nào liên quan đến định hướng phát triển giáo dục đại học tư thục. Mặc dù NQTW8 (Khóa XI) đã có quy định “Tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học”, nhưng cho đến nay một chỉ tiêu cụ thể trong phát triển giáo dục đại học tư thục cũng chưa được xem xét, thảo luận và đề cập tới. Rõ ràng đó là một bước lùi trong định hướng phát triển so với 10 năm trước đây.

- *Việc tạo thành rào cản trong các quy định pháp lý.*

Hiện có khá nhiều rào cản trong các quy định pháp lý liên quan đến giáo dục đại học tư thục.

Luật Giáo dục 2005 quy định trường tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước. Quy định này hàm ý thuật ngữ “trường tư thục” bao hàm cả trường dân lập (do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp thành lập) và trường tư thục (do tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập) theo định nghĩa trước đây của các loại hình trường này trong Luật Giáo dục 1998. Điều này cũng có nghĩa là tuy cùng dưới một cái ô chung là trường tư thục, nhưng việc xử lý về quyền sở hữu tài sản của trường dân lập khi chuyển sang mang tên trường tư thục cần phải xử lý theo nguyên tắc tôn trọng quy định về quyền sở hữu tài sản của trường dân lập, trường tư thục tại Điều 67 của Luật Giáo dục 2005 và thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống giáo dục. Trên thực tế, nếu việc chuyển đổi từ dân lập sang tư thục được thực hiện tốt trong giáo dục phổ thông thì trong giáo dục đại học đến nay vẫn còn 9 trường dân lập chưa chuyển được sang tư thục vì những quy định không phù hợp trong quy chế chuyển đổi.

Luật Giáo dục 2005, với quy định “tài sản, tài chính của trường tư thục thuộc sở hữu của các thành viên góp vốn” (Điều 67), đã tạo động lực để các nhà đầu tư yên tâm góp vốn xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục đại học tư thục. Tuy nhiên, Luật Giáo dục đại học 2012, với quy định “Giá trị tài sản tích lũy được trong quá trình hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tư thục và giá trị của các tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng cho cơ sở giáo dục đại học tư thục là tài sản chung không chia, được quản lý theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển” (khoản 4, Điều 66), lại đang tạo thành rào cản cho sự phát triển của giáo dục đại học tư thục do rất nhiều lúng túng nảy sinh từ quy định này liên quan đến sự khác biệt giữa cơ sở vì lợi nhuận với không vì lợi nhuận, cũng như sự khó phân định trong khối tài sản tích lũy được đó, đâu là phần chung của xã hội, đâu là phần riêng của các nhà đầu tư.

Luật Giáo dục đại học 2012, tuy có đưa vào định nghĩa về cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (khoản 7 Điều 4), nhưng trong các quy định cụ thể liên quan đến hội đồng quản trị (Điều 17) và tài sản của cơ sở giáo dục đại học tư thục (Điều 66) lại không có sự phân biệt nào giữa hai loại cơ sở vì lợi nhuận và không vì lợi nhuận. Điều này cũng tạo thành rào cản cho sự phát triển của giáo dục đại học tư thục theo hướng ưu tiên phát triển các cơ sở không vì lợi nhuận.

#### **4. Một số đề nghị hoàn thiện Pháp luật Giáo dục đại học tư thục**

Trước hết, cần bám sát chủ trương đã được quy định trong NQTW8 (Khóa XI). Theo đó: “Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư”. “Bảo đảm bình đẳng

giữa nhà giáo trường công lập và nhà giáo trường ngoài công lập về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ”. “Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập”.

Tiếp nữa, NQ19 của Hội nghị TW6 (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: “Đẩy mạnh xã hội hóa, nhất là trong các ngành, lĩnh vực và địa bàn mà lĩnh vực ngoài công lập làm được và làm tốt; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển lành mạnh thị trường dịch vụ sự nghiệp công trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”. Riêng đối với giáo dục đại học, quy định: “Sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trường đại học, cơ sở giáo dục-đào tạo hoạt động không hiệu quả, không nhất thiết tỉnh nào cũng có trường đại học”.

Trên cơ sở các chủ trương trên, đối chiếu các bất cập trong thể chế giáo dục đại học tư thục nước ta với các kinh nghiệm quốc tế có liên quan, bài viết này đề xuất một số nội dung sau:

#### **4.1. Về định hướng phát triển giáo dục đại học tư thục**

Cần thể chế hóa và cụ thể hóa chủ trương tăng tỷ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục đại học. Trước đây vào năm 2005, chúng ta đã đặt chỉ tiêu là đến năm 2020 có khoảng 40% sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học tư thục. Chỉ tiêu này là khả thi nếu trong 15 năm thực hiện đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam theo tinh thần NQ14, chúng ta tuân thủ các giải pháp được đề ra trong nghị quyết đó. Tiếc rằng, điều đó đã diễn ra theo chiều ngược lại và bây giờ chúng ta lại đứng trước bài toán phải xác định một chỉ tiêu phù hợp về tăng tỷ lệ sinh viên theo học các cơ sở giáo dục đại học tư thục vào những năm tiếp theo. Cần chú ý rằng hiện nay tỷ lệ này ở nước ta là 13,3%, trong khi đó, theo số liệu thống kê của Chương trình nghiên cứu về giáo dục đại học tư thục (Program for Research on Private Higher Education, xem <http://prophe.org/>) vào năm 2010, tỷ lệ này trên phạm vi toàn cầu là 31,3%, khu vực Châu Á là 36,4%, Hàn Quốc: 80,1%, Nhật: 77,4%, Đài Loan: 71,9%, Indonesia: 71,0%, Philippines: 65,2%, Hong Kong: 59,0%, Campuchia: 58,0%, Malaysia: 50,9%, Lào: 32,4%, Mông Cổ: 26,0%...

Trước tình trạng sinh viên vào học các cơ sở giáo dục đại học tư thục có xu hướng suy giảm vì những bất cập về quy hoạch và thể chế thì cần có những giải pháp thiết thực để khắc phục. Riêng về phương diện quy hoạch, cần chú ý:

- + Trong nội dung quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, khi xác định phương hướng phát triển hệ thống giáo dục đại học, cần làm rõ cơ cấu và quy mô đào tạo theo loại hình công lập và tư thục theo hướng tăng tỷ lệ số cơ sở giáo dục đại học tư thục và số sinh viên theo học các cơ sở giáo dục đại học tư thục. Việc giám sát và tổ chức thực hiện cần tuân thủ đúng các quy định của Luật Quy hoạch, có chế tài nghiêm khắc đối với việc phá vỡ quy hoạch.
- + Rà soát, đánh giá nghiêm túc hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học công lập hiện hành để có giải pháp xử lý đúng theo tinh thần của NQ19 là sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở hoạt động không hiệu quả, không nhất thiết tỉnh nào (kể cả ngành nào) cũng có trường đại học.

#### **4.2. Về sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học**

Hiện Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có một số sửa đổi, bổ sung để khắc phục các bất cập trước đây trong các quy định về hội đồng quản trị và quyền sở hữu tài sản của các cơ sở giáo dục đại học tư thục nói chung, cơ sở không vì lợi nhuận nói riêng.

Có điều, trong Dự thảo vẫn tránh né việc đưa vào khái niệm “cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động vì lợi nhuận”, do đó, có nhiều khả năng tạo thành rào cản trong tổ chức thực hiện các chính sách cần thiết đối với các cơ sở giáo dục đại học tư thực.

Cần nhận thức rằng, trong thực tế giáo dục đại học nước ta hiện nay, đã có một thị trường giáo dục đại học trong đó có các cơ sở giáo dục đại học tư thực vì lợi nhuận và không vì lợi nhuận. Phần lớn các cơ sở giáo dục đại học tư thực hiện nay trên thế giới là không vì lợi nhuận, được khuyến khích thông qua một số chính sách ưu đãi của chính phủ. Còn đối với cơ sở giáo dục vì lợi nhuận thì do bị hoài nghi về chất lượng và tính trung thực nên các cơ sở này bị cấm không được thành lập ở nhiều nước; còn ở những nơi nào được phép thành lập thì thái độ của chính phủ đối với các cơ sở này thường tỏ ra thận trọng trong quản lý chất lượng cùng với việc áp dụng các quy định về quản lý doanh nghiệp đối với hoạt động tài chính và tài sản.

Vì vậy, cần xem xét, sửa đổi bổ sung một số điều có liên quan của Luật giáo dục đại học theo hướng như sau:

- + Trong phần giải thích từ ngữ bên cạnh việc định nghĩa cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận cần bổ sung định nghĩa cơ sở giáo dục đại học hoạt động vì lợi nhuận.
- + Trong các điều khoản liên quan đến quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, cần quy định rằng một trong các nội dung chủ yếu của quy hoạch bao gồm việc xác định phương hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học, cơ cấu hệ thống giáo dục đại học và quy mô đào tạo theo ngành học, trình độ đào tạo, loại hình cơ sở giáo dục đại học.
- + Bổ sung trong các chính sách Nhà nước về phát triển giáo dục đại học chính sách sau: Chính sách ưu đãi, tín dụng sinh viên, đầu tư, đặt hàng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ giảng viên, quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học được thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt loại hình cơ sở giáo dục đại học.
- + Bổ sung quy định về quản lý tài chính, tài sản như sau: Việc quản lý tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động vì lợi nhuận thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp. Việc quản lý tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo nguyên tắc: Phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của cơ sở phải dành ít nhất 25% để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. Phần tích lũy hàng năm từ khoản đầu tư phát triển này là tài sản chung hợp nhất không phân chia, để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học và được miễn thuế.

## 5. Kết luận

Giáo dục đại học tư thực nước ta là một thành quả quan trọng của tiến trình đổi mới giáo dục đại học theo định hướng xã hội hóa. Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa, giáo dục đại học đang chuyển động theo xu thế từ chỗ chỉ chấp nhận khu vực tư nhân như một sự hỗ trợ bên lề đến chỗ công nhận vai trò lớn mạnh và không thể thiếu được của khu vực tư nhân trong cung ứng giáo dục đại học. Điều đó dẫn đến sự hình thành của quan hệ đối tác công-tư (Public-Private Partnership, PPP) trong giáo dục đại học, theo nghĩa là công nhận khu vực tư là bộ phận trong chiến lược quốc

gia về phát triển giáo dục đại học.

Quan hệ PPP thể hiện tác động qua lại giữa nhà nước và thị trường, trong đó khu vực công và khu vực tư là các đối tác bình đẳng với nhau trong phát triển giáo dục đại học. Vì thế, quan hệ PPP không chỉ giới hạn ở việc xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục đại học tư thục mà còn bao gồm việc khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học công lập đổi mới cơ chế hoạt động để tăng các khoản thu ngoài ngân sách.

Đến nay bức tranh xã hội hóa giáo dục nước ta đã chuyển động theo hướng phát triển các quan hệ PPP với các xu thế nói trên. Vì thế, về mặt thể chế, để có những quy định pháp lý phù hợp đối với các loại hình cơ sở giáo dục đại học khác nhau hình thành từ quá trình xã hội hóa, cần tiếp cận theo quan điểm PPP. Đó là: “Ở nhiều nước, sự độc quyền của nhà nước trong cung ứng giáo dục đã kết thúc và thị trường trở thành quan trọng trong việc mở rộng quy mô giáo dục đại học... Cần nhận thức rằng tương lai của giáo dục đại học phụ thuộc vào việc phát triển những liên kết tin cậy giữa khu vực công và khu vực tư. Sự hoài nghi và cạnh tranh giữa hai khu vực này cần phải thay thế bằng sự tin tưởng và hợp tác lẫn nhau vì sự phát triển của giáo dục đại học và đất nước” (Kai-ming Cheng, 2009).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bjarnason, S. và cộng sự (2009), *A new dynamic: Private higher education*, Paris: UNESCO.
- [2] Bộ Kế hoạch và Đầu tư & Ngân hàng thế giới (2016), *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*.
- [3] Kai-ming Cheng (2009), *"Public-Private Partnerships", A New Dynamic: Private Higher Education*, UNESCO: World Conference on Higher Education.
- [4] Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Hoàng Lan (2013), *Về quy mô và chất lượng trong giáo dục đại học Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 97 (1-6).

### ABSTRACT

#### **Finalization of private higher education regimes**

In comparison with relevant international experiences, it is possible to see that the regulations of private higher education (HE) in our country have been developed and gradually improved in order to facilitate a sustainable development of private HE. However, the reality shows a worrying situation: the private HE system is in danger of collapse. Based on the analysis of inadequacies in the implementation of planning and institutional development, this paper proposes some remedial measures, including the clarification in the development orientation of private HE and the amendment of some articles in the HE Law, in which it is necessary to differentiate the not for profit private HE institutions with the for profit ones

**Keywords:** *Private higher education institutions; higher education; socialization of education; public-private partnership.*